CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN HỌC BỔNG

Kính gửi: - Ban Chủ nhiệm Khoa Toán - Ứng dụng

- Cố vấn học tập lớp ……DTU1252…….

Họ và tên: Đỗ Trần Minh Tâm

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/4/2007

Hộ khẩu thường trú: 77/9 Bạch Đằng, Phường 3 Bảo Lộc, Lâm Đồng

Số CMND/CCCD: 068207004514Ngày cấp: 27/12/2021Nơi cấp: Bộ Công An

Hiện là sinh viên năm thứ: …2…… Lớp: ……DTU1252……..MSSV: 3125480071

Chuyên ngành (Toán ứng dụng/Khoa học dữ liệu):Toán ứng dụng

Số điện thoại: 0365355875

Email: minhtu1175@gmail.com

Xếp loại danh hiệu học sinh/rèn luyện sinh viên:

Sinh viên trình bày về kết quả học tập (đính kèm bảng điểm năm học 2025-2026 phù hợp với Điều 4 tiêu chí xét học bổng HK1 theo QĐ 1543/QĐ-BGDĐT), các thành tích khác (giải nhất, nhì học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/đạt giải NCKH cấp bộ, đạt giải trong kỳ thi Olympic toán học học sinh sinh viên toàn quốc) (nếu có) kèm theo minh chứng có liên quan.

Lưu ý: Sinh viên cần scan rõ ràng đầy đủ các trang

- **Sinh viên năm nhất cần scan học bạ, giấy chứng nhận.**
- **Sinh viên năm 2,3,4 cần scan bảng điểm và kết quả đạt giải các kỳ thi Olympic, nghiên cứu khoa học.**

Bảng điểm năm học 2025-2026

Học kì 1 2025-2026

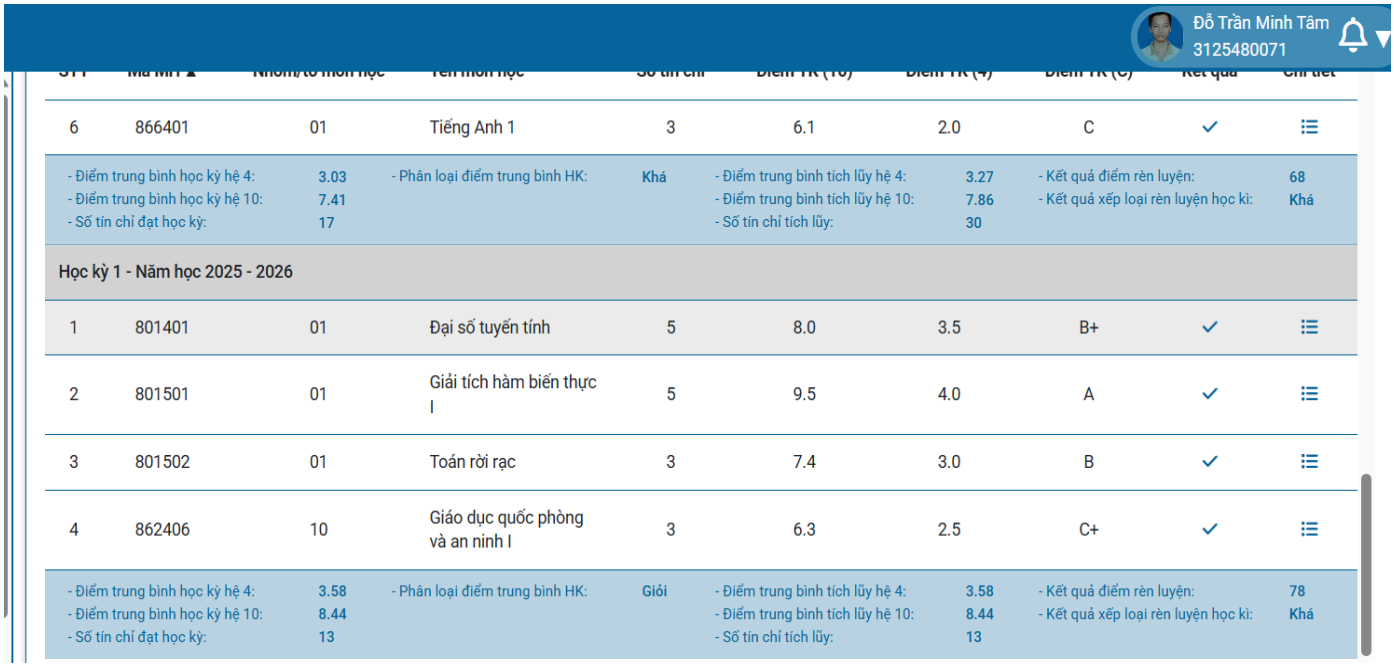

Đỗ Trần Minh Tâm
3125480071

STT	Mã MH	Nhóm tổ môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Điểm HK (10)	Điểm HK (4)	Điểm HK (C)	Kết quả	Chi tiết
6	866401	01	Tiếng Anh 1	3	6.1	2.0	C	✓	

- Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 3.03
- Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 7.41
- Số tín chỉ đạt học kỳ: 17
- Phân loại điểm trung bình HK: Khá
- Điểm trung bình tích lũy hệ 4: 3.27
- Điểm trung bình tích lũy hệ 10: 7.86
- Số tín chỉ tích lũy: 30
- Kết quả điểm rèn luyện: 68
- Kết quả xếp loại rèn luyện học kì: Khá

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

1	801401	01	Đại số tuyến tính	5	8.0	3.5	B+	✓	
2	801501	01	Giải tích hàm biến thực I	5	9.5	4.0	A	✓	
3	801502	01	Toán rời rạc	3	7.4	3.0	B	✓	
4	862406	10	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	6.3	2.5	C+	✓	

- Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 3.58
- Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 8.44
- Số tín chỉ đạt học kỳ: 13
- Phân loại điểm trung bình HK: Giỏi
- Điểm trung bình tích lũy hệ 4: 3.58
- Điểm trung bình tích lũy hệ 10: 8.44
- Số tín chỉ tích lũy: 13
- Kết quả điểm rèn luyện: 78
- Kết quả xếp loại rèn luyện học kì: Khá

Học kì 2 2025-2026

Đỗ Trần Minh Tâm
3125480071

STT	Mã MH	Nhóm/tổ môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Điểm HK (10)	Điểm HK (4)	Điểm HK (C)	Kết quả	Chi tiết
Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026									
1	801145	01	Xác suất và thống kê toán	3	7.2	3.0	B	✓	
2	801503	01	Giải tích hàm biến thực II	5	8.7	4.0	A	✓	
3	848410	01	Quy hoạch tuyến tính (Toán)	3	6.0	2.0	C	✓	
4	861301	06	Triết học Mác - Lênin	3	8.2	3.5	B+	✓	
5	862101	15	Giáo dục thể chất (I)	1	7.7	3.0	B	✓	
6	866401	01	Tiếng Anh 1	3	6.1	2.0	C	✓	

- Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 3.03
- Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 7.41
- Số tín chỉ đạt học kỳ: 17
- Phân loại điểm trung bình HK: Khá
- Điểm trung bình tích lũy hệ 4: 3.27
- Điểm trung bình tích lũy hệ 10: 7.86
- Số tín chỉ tích lũy: 30
- Kết quả điểm rèn luyện: 68
- Kết quả xếp loại rèn luyện học kì: Khá

Học kì 3 2025-2026

Đỗ Trần Minh Tâm
3125480071

- Điểm trung bình học kỳ hệ 10:
- Số tín chỉ đạt học kỳ:
- Điểm trung bình tích lũy hệ 10:
- Số tín chỉ tích lũy:
- Kết quả xếp loại rèn luyện học kì:

STT	Mã MH	Nhóm/tổ môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Điểm HK (10)	Điểm HK (4)	Điểm HK (C)	Kết quả	Chi tiết
Học kỳ 3 - Năm học 2025 - 2026									
1	801351	01	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Toán	2	9.1	4.0	A	✓	
2	848011	01	Thống kê ứng dụng	4	7.2	3.0	B	✓	
3	861302	01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8.8	4.0	A	✓	
4	862407	01	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	2	7.3	3.0	B	✓	

- Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 3.50
- Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 8.08
- Số tín chỉ đạt học kỳ: 8
- Phân loại điểm trung bình HK: Giỏi
- Điểm trung bình tích lũy hệ 4: 3.32
- Điểm trung bình tích lũy hệ 10: 7.90
- Số tín chỉ tích lũy: 38
- Kết quả điểm rèn luyện:
- Kết quả xếp loại rèn luyện học kì:

Giấy chứng nhận tham gia kì thi Olympic Toán Học Sinh Viên

TP.Hồ Chí Minh, ngày ….tháng ….năm 2026

Người làm đơn

Tam